

Số: **411** /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày **07** tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề án đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị
cho lực lượng Công an xã, thị trấn giai đoạn 2021 - 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi và bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ Luật Công an nhân dân năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 18/2013/NĐ-CP ngày 21/02/2013 của Chính phủ quy định về tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với sỹ quan, hạ sỹ quan, chiến sỹ đang phục vụ trong lực lượng Công an nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số lĩnh vực quốc phòng, an ninh; Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 14/5/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 42/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ quy định việc xây dựng Công an xã, thị trấn chính quy;

Căn cứ Quyết định số 03/2018/QĐ-TTg ngày 16/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định danh mục tài sản đặc biệt và tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản đặc biệt trong Công an nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 46/2021/TT-BCA ngày 05/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an xã;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BCA ngày 17/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định tiêu chuẩn, định mức trang bị cho Công an xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị quyết số 197/NQ-HĐND ngày 12/10/2021 của HĐND tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV về việc thông qua Đề án đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị cho lực lượng Công an xã, thị trấn giai đoạn 2021 - 2030;

Theo đề nghị của Công an tỉnh tại Tờ trình số 12810/TTr-CAT-PHC ngày 28/12/2021 và Sở Xây dựng tại Tờ trình số 498/TTr-SXD ngày 04/3/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị cho lực lượng Công an xã, thị trấn giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (có Đề án chi tiết kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Xây dựng; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *luu*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Công an;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, TP, TX;
- LĐVP: Đ/c Minh, Đ/c Chung;
- Lưu: VT, NC, TH. *luu*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trịnh Việt Hùng

ĐỀ ÁN
Đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị cho lực lượng
Công an xã, thị trấn giai đoạn 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số: **411** /QĐ-UBND ngày **07/3/2022** của UBND tỉnh)

Phần I

CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Các bộ Luật:

- Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;
- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Luật Đầu tư công năm 2019;
- Luật Xây dựng năm 2014;
- Luật sửa đổi và bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;
- Luật Công an nhân dân năm 2018;

2. Các văn bản hướng dẫn Luật:

- Nghị định số 18/2013/NĐ-CP ngày 21/02/2013 của Chính phủ quy định về tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ đang phục vụ trong lực lượng Công an nhân dân;

- Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số lĩnh vực quốc phòng, an ninh và Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 14/5/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2016/NĐ-CP;

- Nghị định số 42/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ quy định việc xây dựng Công an xã, thị trấn chính quy;

- Quyết định số 03/2018/QĐ-TTg ngày 16/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định danh mục tài sản đặc biệt và tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản đặc biệt trong Công an nhân dân;

- Thông tư số 46/2021/TT-BCA ngày 05/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an xã;

- Thông tư số 69/2021/TT-BCA ngày 17/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định tiêu chuẩn, định mức trang bị cho Công an xã, phường, thị trấn;

3. Nghị quyết số 197/NQ-HĐND ngày 12/10/2021 của HĐND tỉnh về việc thông qua Đề án đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị cho lực lượng Công an xã, thị trấn giai đoạn 2021 - 2030.

II. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Ngày 25/7/2019, UBND tỉnh đã có Quyết định số 82/QĐ-UBND về việc ban hành Đề án bố trí Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã.

Triển khai Đề án trên, UBND các huyện, thành phố, thị xã đã tích cực phối hợp với Công an tỉnh và các sở, ban, ngành chức năng tiến hành rà soát, phân loại, có lộ trình, phương án sắp xếp, bố trí công tác và thực hiện tốt chế độ chính sách đối với các đồng chí là Trưởng, Phó Trưởng Công an xã, thị trấn và Công an viên bán chuyên trách khi thực hiện điều động, bố trí Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã. Đồng thời, Công an tỉnh đã chủ động rà soát, cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ đảm bảo khung tiêu chuẩn, tiêu chí, bố trí cán bộ Công an 4 cấp theo chỉ đạo của Bộ Công an, lựa chọn cán bộ đủ tiêu chuẩn, điều kiện để điều động, đảm nhiệm các chức danh Công an xã.

Tính đến ngày 20/3/2020, tỉnh Thái Nguyên đã hoàn thành việc bố trí Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã tại 145/145 xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Số cán bộ Công an chính quy đang bố trí đảm nhiệm các chức danh Công an xã hiện là 730 đồng chí (*143 đồng chí Trưởng Công an xã, thị trấn; 141 đồng chí Phó Trưởng Công an xã, thị trấn; 446 đồng chí Công an viên*) và 1.886 đồng chí Công an xã bán chuyên trách. Biên chế mỗi Công an xã, thị trấn gồm 05 đồng chí Công an chính quy và các đồng chí Công an viên bán chuyên trách (*01 Công an viên bán chuyên trách/01 xóm*). Đã thành lập 145 Chi bộ Công an xã, thị trấn chính quy trực thuộc Đảng ủy xã, thị trấn với 675 đảng viên; có 143 đồng chí Trưởng Công an xã, thị trấn tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ xã, thị trấn nhiệm kỳ 2020 - 2025, trong đó có 20 đồng chí tham gia Ban Thường vụ Đảng ủy xã, thị trấn.

Ngay sau khi xuống cơ sở, lực lượng Công an xã chính quy đã nhanh chóng ổn định tổ chức, khắc phục khó khăn, nghiên cứu vận dụng kiến thức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm công tác vào công việc thực tế ở cơ sở. Phát huy vai trò nòng cốt, thường xuyên đi sâu, đi sát, nắm chắc diễn biến tình hình, quản lý chặt chẽ các loại đối tượng, chủ động tham mưu cấp ủy, chính quyền cơ sở, thủ trưởng công an cấp trên chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành, đoàn thể triển khai thực hiện toàn diện các mặt công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và phòng, chống tội phạm; phát động, duy trì và đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Qua đó đã góp phần bảo vệ thành công Đại hội XIII của Đảng, cuộc Bầu cử Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh; thực hiện có hiệu quả Dự án cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Dự án sản xuất, cấp và quản lý Căn cước công dân và phòng chống đại dịch Covid 19 theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ

Công an và của tỉnh. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được phát triển sâu, rộng; các loại tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật giảm, góp phần tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh; được chính quyền địa phương và Nhân dân tin tưởng, ghi nhận, đánh giá cao.

Ngày 20/7/2021, Bộ trưởng Bộ Công an đã ban hành Quyết định 5971/QĐ-BCA về việc tổ chức Công an xã, thị trấn chính quy tại 145 xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Thái Nguyên, hiện nay Công an tỉnh Thái Nguyên đang triển khai thực hiện Quyết định này đảm bảo đồng bộ, hiệu quả.

Tuy nhiên, việc triển khai lực lượng Công an chính quy về cơ sở đang gặp nhiều khó khăn trong công tác đảm bảo kinh phí, phương tiện, trang thiết bị, nhất là điều kiện làm việc, nơi ăn, ở, sinh hoạt, thường trực chiến đấu và huấn luyện cho cán bộ, chiến sỹ. Cụ thể:

- Về trụ sở làm việc: Tỉnh Thái Nguyên có tổng số 146 công an xã, thị trấn, (trong đó 01 đơn vị đã được bố trí như Công an phường là Công an thị trấn Trại Cau, huyện Đồng Hỷ, được thành lập từ năm 1963, đã có trụ sở độc lập); 145 Công an xã, thị trấn mới thành lập đã được bố trí vị trí làm việc tại UBND, nhà văn hóa hoặc trạm y tế xã, thị trấn; các cơ sở làm việc đã được chính quyền địa phương quan tâm đầu tư kinh phí để cải tạo, sửa chữa (*giai đoạn 2015 - 2020 là 2,327 tỷ đồng; từ đầu năm 2021 đến nay là 436,75 triệu đồng*). Tuy nhiên, cơ sở làm việc chưa đảm bảo điều kiện phục vụ công tác nghiệp vụ như: chưa có phòng tạm giữ hành chính, phòng lấy lời khai (*nhất là khi lực lượng Công an xã được giao nhiệm vụ xác minh tố giác, tin báo về tội phạm theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự*), nơi tạm giữ tang vật phương tiện vi phạm hành chính, hội trường giao ban, nơi ăn, ở đối với ca trực, sinh hoạt cho cán bộ chiến sỹ...

- Về trang thiết bị, phương tiện: Hiện nay trang thiết bị, phương tiện trang bị cho lực lượng Công an xã đã được Bộ Công an, UBND tỉnh và chính quyền địa phương quan tâm đầu tư, trang cấp. Đã trang bị được 29 loại = 28.321 đơn vị sản phẩm là vũ khí, công cụ hỗ trợ (CCHT), vật tư, phương tiện, thiết bị văn phòng, các loại phục vụ công tác, sinh hoạt của lực lượng Công an xã¹.

Trong quá trình công tác và thực hiện nhiệm vụ ở cơ sở, một số thiết bị, phương tiện đã xuống cấp, hư hỏng không sử dụng được. Trong khi đó lực lượng Công an xã, thị trấn thường xuyên phải tổ chức tuần tra, kiểm soát, giữ gìn trật tự

¹ Cụ thể như sau: 292 chiếc xe mô tô; 21 khẩu súng ngắn; 02 khẩu súng tiểu liên; 664 khẩu súng bắn đạn cao su, cay; 2.944 chiếc gậy nhựa; 1.330 chiếc dùi cui cao su; 791 cái dùi cui điện; 150 cái găng tay bắt dao; 96 cái áo giáp chống đâm; 7.259 cái dây trói rút; 1.110 cái khóa số 8; 147 chiếc tủ sắt bảo quản vũ khí, CCHT; 1.258 chiếc đèn pin; 212 chiếc loa pin; 1.467 chiếc bình xịt đánh dấu hiện trường; 09 chiếc gậy chỉ huy giao thông có đèn; 158 chiếc điện thoại cố định; 212 chiếc máy vi tính để bàn; 196 chiếc máy in; 146 chiếc máy fax; 970 bộ bàn ghế làm việc; 730 chiếc bi đông Công an xã; 1.456 chiếc còi; 613 chiếc giường cá nhân; 1.483 chiếc mũ bảo hiểm Công an xã; 146 chiếc quạt cây; 1.448 chiếc sắc cốt Công an xã; 602 chiếc tủ hồ sơ nghiệp vụ; 1071 bình xịt hơi cay; 142 chiếc máy ảnh kỹ thuật số; 107 chiếc máy phát điện; một số trang thiết bị nghiệp vụ tiếp nhận lại của lực lượng Công an xã bán chuyên trách trước đây.

công cộng, trật tự an toàn giao thông, giải quyết các vụ gây rối an ninh trật tự theo quy định; phối hợp tổ chức công tác bảo đảm an toàn tuyệt đối cho đối tượng cảnh vệ; bảo vệ an toàn các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội, tôn giáo...; phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật trên địa bàn.

Có thể nói, Công an xã, thị trấn được xác định là một trong bốn cấp công an, là cấp gần dân, sâu sát với dân nhất. Vì vậy, việc ban hành “Đề án đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị cho lực lượng Công an xã, thị trấn giai đoạn 2021 - 2030” là cần thiết, phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn tại địa phương.

Phần II

MỤC TIÊU, YÊU CẦU; NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP; THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu tổng quát

Đảm bảo cơ sở vật chất, nơi làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác, chiến đấu và sinh hoạt của lực lượng Công an xã, thị trấn, đáp ứng yêu cầu từng bước xây dựng lực lượng Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

1.2. Mục tiêu cụ thể

a) Đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc:

- Giai đoạn 2021 - 2025: Đầu tư xây dựng mới, cải tạo sửa chữa trụ sở làm việc cho 74 Công an xã, thị trấn.

- Giai đoạn 2026 - 2030: Đầu tư xây dựng mới 71 trụ sở Công an xã, thị trấn còn lại, đảm bảo hoàn thành 100% các đơn vị Công an xã, thị trấn được bố trí trụ sở độc lập.

b) Đầu tư trang bị tài sản: Đảm bảo trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, thông tin liên lạc, máy móc, thiết bị phục vụ công tác quản lý, xe ô tô, mô tô theo khung tiêu chuẩn, định mức quy định của Bộ Công an.

2. Yêu cầu

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, định mức; xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, khả năng ngân sách của địa phương; đảm bảo thiết thực, tiết kiệm, hiệu quả, phát huy tối đa hiệu suất sử dụng các công trình, hạng mục sẵn có, nhất là cơ sở vật chất dùng chung.

- Có quy hoạch, kế hoạch tổng thể với lộ trình phù hợp, khắc phục tình trạng manh mún, thiếu đồng bộ; đảm bảo trước mắt, tính toán lâu dài, có khả năng mở rộng, phát triển trong tương lai và có tính khả thi cao; đáp ứng yêu cầu công tác, đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự quản lý điều hành tập trung, thống nhất, hiệu quả của chính quyền và thủ trưởng Công an cấp trên; nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp chính quyền, các ngành, đoàn thể và của toàn xã hội, huy động tối đa nguồn lực đầu tư cho lực lượng Công an xã, thị trấn, đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra.

- Cấp ủy, chính quyền các cấp tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương về xây dựng lực lượng Công an xã, thị trấn: Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 15/3/2018 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy Bộ Công an tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị định số 42/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ quy định việc xây dựng Công an xã, thị trấn chính quy.

- Công an tỉnh phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố, thị xã chủ động tham mưu các giải pháp thực hiện cho phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của lực lượng Công an.

2. Giải pháp bố trí đất xây dựng trụ sở

Hiện tại có 145 Công an xã, thị trấn mới được thành lập chưa được đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, đã được chính quyền địa phương quy hoạch vị trí để xây dựng trụ sở với diện tích đất được bố trí từ 700m² trở lên, trong đó:

- 17 vị trí đất được quy hoạch có công trình gắn liền trên đất, sẽ tiến hành cải tạo, sửa chữa để sử dụng lâu dài;

- 39 vị trí đất quy hoạch là đất công;

- 89 vị trí đất quy hoạch là đất phải giải phóng mặt bằng.

3. Giải pháp đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn

3.1. Phương án thiết kế mẫu trụ sở làm việc Công an cấp xã

- Thiết kế mẫu áp dụng chung để xây dựng trụ sở Công an các xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh là Phương án 1 - nhà 2 tầng (theo Hướng dẫn số 2070/HD-H02-P5 ngày 08/7/2020 của Bộ Công an).

- Thiết kế mẫu gồm 05 hạng mục: Nhà làm việc, ăn, ở doanh trại 02 tầng cấp III, diện tích khoảng 400m²; gara xe 02 bánh 01 tầng, diện tích 30m²; cổng, tường rào bảo vệ; sân điều lệnh; sân thể thao.

Quy mô đầu tư với 01 trụ sở Công an xã, thị trấn là tính toán điển hình, mang tính lâu dài của Bộ Công an. Khi triển khai thực hiện, cần rà soát, tính toán để phù hợp với quy định và tình hình thực tế tại địa phương, đáp ứng yêu cầu công tác, tránh lãng phí.

3.2. Lộ trình thực hiện

- Giai đoạn 2021 - 2025: Đầu tư xây dựng mới, cải tạo sửa chữa trụ sở làm việc cho 74 Công an xã, thị trấn theo danh mục ưu tiên đầu tư đã được thống nhất giữa Công an tỉnh và các huyện, thành phố, thị xã. Trong đó:

+ Cải tạo, sửa chữa: 17 trụ sở Công an xã, thị trấn (*được quy hoạch trên đất đã có sẵn công trình*);

+ Đầu tư xây dựng mới: 57 trụ sở Công an xã, thị trấn.

- Giai đoạn 2026 - 2030: Đầu tư xây dựng mới 71 trụ sở Công an xã, thị trấn còn lại (*chi tiết có Phụ lục 01 kèm theo*).

4. Giải pháp đầu tư trang bị tài sản

4.1. Danh mục, định mức về vũ khí, công cụ hỗ trợ, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, thông tin liên lạc, máy móc, thiết bị phục vụ công tác quản lý, xe ô tô, mô tô: Trang bị theo khung tiêu chuẩn, định mức quy định của Bộ Công an.

4.2. Lộ trình thực hiện

- Về trang bị phương tiện: Năm 2021 đã trang bị đủ cho mỗi đơn vị Công an cấp xã, thị trấn 02 xe mô tô. Căn cứ vào số lượng cán bộ, chiến sỹ từng đơn vị Công an cấp xã, thị trấn và đặc điểm tình hình cụ thể trên địa bàn để trang bị bổ sung đảm bảo điều kiện phục vụ công tác, chiến đấu.

- Về trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ; thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ: năm 2022 hoàn thành 50% tiêu chuẩn, định mức; từ năm 2023 đến 2025 hoàn thành 100% tiêu chuẩn, định mức.

- Về trang bị quân trang; vật tư, thiết bị văn phòng: Đảm bảo theo khung tiêu chuẩn, định mức hằng năm.

5. Kinh phí thực hiện

5.1. Kinh phí Bộ Công an

- Đầu tư trang bị phương tiện, vũ khí, công cụ hỗ trợ, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, quân trang, vật tư và thiết bị văn phòng cho lực lượng Công an xã, thị trấn chính quy.

- Đảm bảo các hoạt động khác: Hằng năm, Công an tỉnh chủ động lập dự toán, thực hiện, quyết toán thu chi ngân sách nhà nước, báo cáo Bộ Công an để chi trả tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các chế độ, chính sách khác cho lực lượng Công an xã, thị trấn chính quy theo quy định; bảo đảm kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện cho lực lượng Công an xã, thị trấn chính quy; chi phổ biến giáo dục pháp luật, sơ kết, tổng kết đối với lực lượng không chuyên trách làm nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự ở cơ sở.

5.2 Kinh phí từ ngân sách địa phương hỗ trợ để đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc:

Tổng kinh phí hỗ trợ đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc cho 145 Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh là 639,54 tỷ đồng (*chi tiết có Phụ lục 02 kèm theo*), trong đó:

- Kinh phí từ ngân sách tỉnh: Hỗ trợ đầu tư xây dựng, cải tạo sửa chữa cho 82 trụ sở Công an xã, thị trấn là 341,38 tỷ đồng (*giai đoạn 2021 - 2025 là 99,58 tỷ đồng; giai đoạn 2026 - 2030 là 241,80 tỷ đồng*).

(*Chi tiết có Phụ lục 03 kèm theo*).

- Kinh phí từ ngân sách các huyện, thành phố, thị xã: Hỗ trợ đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa cho 63 trụ sở Công an xã, thị trấn và thực hiện giải phóng mặt bằng là 298,16 tỷ đồng (*giai đoạn 2021 - 2025 là: 183,46 tỷ đồng; giai đoạn 2026 - 2030 là: 114,70 tỷ đồng*).

(*Chi tiết có Phụ lục 04 kèm theo*).

III. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Đề án thực hiện từ năm 2021 đến năm 2030 theo 02 giai đoạn: Giai đoạn 2021 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030. Tổ chức sơ kết thực hiện Đề án trong năm 2025, tổng kết trong năm 2030.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công an tỉnh là Cơ quan Thường trực, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố, thị xã triển khai thực hiện các nội dung Đề án; lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn giai đoạn 2021 - 2025 và giai đoạn tiếp theo để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Chủ động tham mưu giải quyết khó khăn, vướng mắc hoặc điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương và yêu cầu nhiệm vụ của lực lượng Công an. Tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết Đề án; định kỳ hằng năm tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Đề án, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh chỉ đạo. Chịu trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí và thực hiện thanh, quyết toán đúng quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh và các sở, ngành liên quan thẩm định, tham mưu UBND tỉnh quyết định phân bổ các nguồn vốn đầu tư xây dựng cho lực lượng Công an xã, thị trấn để Công an tỉnh và UBND các huyện, thành phố, thị xã triển khai thực hiện theo quy định; tổng hợp nhu cầu sử dụng đất an ninh đưa vào quy hoạch chung của tỉnh. Tham mưu, báo cáo UBND tỉnh bổ sung danh mục xây dựng các trụ sở Công an xã, thị trấn vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và giai đoạn tiếp theo để thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Sở Tài chính căn cứ khả năng ngân sách, chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Đề án.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, hướng dẫn Công an tỉnh và UBND các huyện, thành phố, thị xã lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030 và hằng năm, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của trụ sở Công an xã, thị trấn theo quy định.

5. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã tham mưu xây dựng chính sách, quy định số lượng, mức phụ cấp đối với lực lượng Công an xã bán chuyên trách trực tiếp được sử dụng tham gia đảm bảo an ninh, trật tự tại các xã, thị trấn.

6. Sở Xây dựng chủ trì, hướng dẫn, phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định dự án đầu tư xây dựng và các nội dung khác liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Các sở, ban, ngành, đoàn thể: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan chức năng, tổ chức tuyên truyền về chủ trương xây dựng lực lượng Công an xã, thị trấn chính quy; đồng thời quan tâm giúp đỡ lực lượng Công an xã, thị trấn thực hiện tốt nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự ở cơ sở.

8. UBND các huyện, thành phố, thị xã chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh và các sở, ban, ngành liên quan lập kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030; thực hiện tổng hợp chỉ tiêu, lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hằng năm, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện thu hồi đất, giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc cho lực lượng Công an xã, thị trấn theo lộ trình của Đề án. Căn cứ khả năng ngân sách, hỗ trợ một phần kinh phí hoạt động của lực lượng Công an xã, thị trấn theo quy định.

Căn cứ nhiệm vụ được giao, các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện Đề án. Giao Công an tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Đề án; tổng hợp tình hình và báo cáo UBND tỉnh theo quy định./.

**BẢNG TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG TRỤ SỞ CÔNG AN XÃ, THỊ TRẤN
THEO GIAI ĐOẠN ĐẦU TƯ 2021 - 2025 VÀ 2026 - 2030**

(Ban hành kèm theo Đề án đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị cho lực lượng Công an xã, thị trấn giai đoạn 2021 - 2030)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ CÔNG AN XÃ, THỊ TRẤN	GIAI ĐOẠN 2021 - 2025						GIAI ĐOẠN 2026 - 2030				GHI CHÚ
			UBND huyện, TP, TX đầu tư			UBND tỉnh đầu tư		Tổng cộng	UBND huyện, TP, TX đầu tư		UBND tỉnh đầu tư	Tổng cộng	
			Cải tạo, sửa chữa	Đầu tư xây mới	GPMB	Cải tạo, sửa chữa	Đầu tư xây mới		Đầu tư xây mới	GPMB			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(4)+(5)+(7)+(8)	(10)	(11)	(12)	(13)=(10)+(12)	(14)
1	Công an huyện Định Hóa	23	4	1	5		4	9		13	14	14	
2	Công an huyện Đồng Hỷ	14	1	1	4		3	5		9	9	9	
3	Công an huyện Phú Lương	15	3	2			3	8	1	4	6	7	
4	Công an huyện Phú Bình	20		5	2		4	9	5	11	6	11	
5	Công an TP Thái Nguyên	11		5		3		8			3	3	
6	Công an huyện Võ Nhai	15			2		4	4		11	11	11	
7	Công an thị xã Phổ Yên	14		5	5			5	9	9		9	
8	Công an huyện Đại Từ	30	6	12	9		5	23		7	7	7	
9	Công an TP Sông Công	3		3	3			3					
	TỔNG CỘNG	145	14	34	30	3	23	74	15	64	56	71	

**BẢNG TỔNG HỢP NHU CẦU HỖ TRỢ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, CẢI TẠO, SỬA CHỮA
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN**

(Ban hành kèm theo Đề án đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị cho lực lượng Công an xã, thị trấn giai đoạn 2021 - 2030)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ CÔNG AN XÃ,THỊ TRẤN	NHU CẦU ĐẦU TƯ							GHI CHÚ
			Cải tạo, sửa chữa		Đầu tư xây dựng mới			Chi phí GPMB	Tổng cộng	
			Vị trí cải tạo, sửa chữa	Khái toán cải tạo, sửa chữa	Vị trí đất công	Vị trí đất phải GPMB	Khái toán kinh phí đầu tư xây dựng			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)=(5)+(7)+ (8)	
1	Công an huyện Định Hóa	23	4	2,60	6	13	81,70	14,13	98,43	
2	Công an huyện Đồng Hỷ	14	1	0,80		13	55,90	15,50	72,20	
3	Công an huyện Phú Lương	15	3	2,00	8	4	51,60	1,71	55,31	
4	Công an huyện Phú Bình	20			7	13	86,00	7,62	93,62	
5	Công an TP Thái Nguyên	11	3	2,40	8		34,40	1,00	37,80	
6	Công an huyện Võ Nhai	15			2	13	64,50	10,12	74,62	
7	Công an thị xã Phổ Yên	14				14	60,20	15,35	75,55	
8	Công an huyện Đại Từ	30	6	2,93	8	16	103,20	9,81	115,94	
9	Công an TP Sông Công	3				3	12,90	3,18	16,08	
	TỔNG CỘNG	145	17	10,73	39	89	550,40	78,41	639,54	

**BẢNG TỔNG HỢP NGUỒN VỐN HỖ TRỢ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, CẢI TẠO, SỬA CHỮA
TRỤ SỞ CÔNG AN XÃ, THỊ TRẤN TỪ NGÂN SÁCH TỈNH**

*(Ban hành kèm theo Đề án đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị cho lực lượng Công an xã, thị trấn
giai đoạn 2021 - 2030)*

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ CÔNG AN XÃ, THỊ TRẤN	GIAI ĐOẠN 2021 - 2025		GIAI ĐOẠN 2026 - 2030		TỔNG KINH PHÍ	GHI CHÚ
			Số lượng	Kinh phí đầu tư	Số lượng	Kinh phí đầu tư		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(5)+(7)	(9)
1	Công an huyện Định Hóa	23	4	17,20	14	60,20	77,40	
2	Công an huyện Đồng Hỷ	14	3	12,90	9	38,70	51,60	
3	Công an huyện Phú Lương	15	3	12,90	6	25,80	38,70	
4	Công an huyện Phú Bình	20	4	17,20	6	25,80	43,00	
5	Công an TP Thái Nguyên	11	3	2,40	3	13,90	16,30	Trong đó cải tạo, sửa chữa 03 trụ sở giai đoạn 2021 - 2025
6	Công an huyện Võ Nhai	15	4	15,48	11	47,30	62,78	
7	Công an thị xã Phổ Yên	14						
8	Công an huyện Đại Từ	30	5	21,50	7	30,10	51,60	
9	Công an TP Sông Công	3						
	TỔNG CỘNG	145	26	99,58	56	241,80	341,38	

**BẢNG TỔNG HỢP NGUỒN VỐN HỖ TRỢ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, CẢI TẠO, SỬA CHỮA TRỤ SỞ CÔNG AN XÃ, THỊ TRẤN
TỪ NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ**

(Ban hành kèm theo Đề án đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị cho lực lượng Công an xã, thị trấn giai đoạn 2021 - 2030)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ CÔNG AN XÃ, THỊ TRẤN	GIAI ĐOẠN 2021 - 2025							GIAI ĐOẠN 2026 - 2030					TỔNG KINH PHÍ		
			Cải tạo, sửa chữa		Đầu tư xây dựng mới		GPMB		Tổng kinh phí giai đoạn 2021 - 2025	Đầu tư xây dựng mới		GPMB		Tổng kinh phí giai đoạn 2026 - 2030	Tổng kinh phí xây mới, cải tạo, sửa chữa	Tổng kinh phí GPMB	Tổng cộng
			Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí		Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(5)+(7)+ (9)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)=(12)+ (14)	(16)=(5)+(7)+ (12)	(17)=(9)+ (14)	(18)=(16)+ (17)
1	Công an huyện Định Hóa	23	4	2,60	1	4,30	5	1,82	8,72			13	12,31	12,31	6,90	14,13	21,03
2	Công an huyện Đồng Hỷ	14	1	0,80	1	4,30	4	6,80	11,90			9	8,70	8,70	5,10	15,50	20,60
3	Công an huyện Phú Lương	15	3	2,00	2	8,60			10,60	1	4,30	4	1,71	6,01	14,90	1,71	16,61
4	Công an huyện Phú Bình	20			5	21,50	2	1,97	23,47	5	21,50	11	5,65	27,15	43,00	7,62	50,62
5	Công an TP Thái Nguyên	11			5	21,50			21,50						21,50	0,00	21,50
6	Công an huyện Võ Nhai	15				1,72	2	2,53	4,25			11	7,59	7,59	1,72	10,12	11,84
7	Công an thị xã Phổ Yên	14			5	21,50	5	4,71	26,21	9	38,70	9	10,64	49,34	60,20	15,35	75,55
8	Công an huyện Đại Từ	30	6	2,93	12	51,60	9	6,21	60,74			7	3,60	3,60	54,53	9,81	64,34
9	Công an TP Sông Công	3			3	12,90	3	3,18	16,08						12,90	3,18	16,08
	TỔNG CỘNG	145	14	8,33	34	147,92	30	27,21	183,46	15	64,50	64	50,20	114,70	220,75	77,41	298,16